TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 656/2017/DS-PT
Ngày: 26/7/2017
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đắc Phú

Các Thẩm phán: 1/ Ông Lê Văn Nga
2/ Bà Nguyễn Đức Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Trang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trần Đoàn Bích Trâm – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 7 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2017/TLPT-DS ngày 17 tháng 3 năm 2017 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất ".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Tòa án nhân dân Huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo ngày 24/01/2017.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 772/2017/QĐPT-DS ngày 24 tháng 4 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 2850/2017/QĐ-PT ngày 23/5/2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1421/2017/QĐ-PT ngày 04/7/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Thái Văn Đ, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Thị trấn T, Huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ là ông Nguyễn Trọng H – Luật sư của Công ty Luật TNHH NBthuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Xã TN, Huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C là bà Vi Thị D, sinh năm 1994 (Theo Văn bản ủy quyền lập ngày 19/5/2017) (có mặt).

Địa chỉ: Xã TN, Huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông C là ông Nguyễn Đức Thằn Y – Luật sư của Công ty Luật TNHH TQ thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1961 (xin vắng mặt).

2/ Ông Nguyễn Tấn A, sinh năm 1981 (xin vắng mặt).

3/ Ông Nguyễn Tấn B, sinh năm 1985 (xin vắng mặt).

4/ Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1988 (xin vắng mặt).

5/ Ông Nguyễn Việt T, sinh năm 1990 (xin vắng mặt).

6/ Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1992 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Xã TN, Huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

7/ Ủy ban nhân dân Huyện BC.

Trụ sở: Thị trấn T, Huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền là Bà Nguyễn Thị A – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường Huyện BC (Theo văn bản ủy quyền số 310/UBND ngày 25/02/2016 của Ủy ban nhân dân Huyện BC) (xin vắng mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn – ông Nguyễn Văn C ngày 24/01/2017.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Thái Văn Đ có ông Nguyễn Trọng H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nguyên mẹ ông Thái Văn Đ là bà Thái Thị N có phần đất thuộc thửa 555, tờ bản đồ số 07 (TL02/CT-UB) với diện tích đất 1912 m^2, tọa lạc tại Xã TN, Huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh đã được Ủy ban nhân dân Huyện BC cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1344/QSDĐ ngày 23/5/1996, cấp theo quyết định số 20 ngày 23/05/1996 của Ủy ban nhân dân Huyện BC. Sau đó vào năm 2001 thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1344/QSDĐ ngày 23/5/1996 của Ủy ban nhân dân Huyện BC được thay thế bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1344/QSDĐ ngày 01/3/2001 của Ủy ban nhân dân Huyện BC.

Hiện phần đất trên đang bị ông Nguyễn Văn C san lấp, chiếm giữ mà không được sự đồng ý của ông Đ. Ông Đ đã yêu cầu ông C hoàn trả diện tích đất trên nhiều lần nhưng ông C không đồng ý.

Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu gia đình ông C hoàn trả lại phần đất đã bị lấn chiếm là 185,5 m^2 thuộc thửa 555, tờ bản đồ số 07 tại Xã TN, Huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Phần đất tranh chấp là một đám lá dừa nước do ông C mua của bà N vào năm 1992. Vào năm 2003 ông C đã san lấp phần đất này để trồng cây xả và hộ gia đình ông C liên tục sử dụng canh tác từ năm 1992 cho đến nay. Năm 2006 ông C có nhu cầu xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi đến UBND Xã TN thì ông C mới biết có một phần đất của mình đã cấp quyền sử dụng đất cho bà Thái Thị N là mẹ ông Đ.

Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu gia đình ông C trả lại phần đất có diện tích là 185,5 m^2 thuộc thửa số 555, tờ bản đồ số 07 tại Xã TN, Huyện BC thì ông C không đồng ý. Ông Nguyễn Văn C yêu cầu Tòa án hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1344 do UBND Huyện BC cấp ngày 23/5/1996 (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này nay được thay thế bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1344/QSDĐ ngày 01/3/2001 của UBND Huyện BC).

Hiện nay hộ gia đình ông Nguyễn Văn C tại địa chỉ Xã TN, Huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh có các thành viên sau: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1965; bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1961; ông Nguyễn Tấn A, sinh năm 1981; ông Nguyễn Tấn B, sinh năm 1990; bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1992.

Tại bản tự khai ghi ngày 03/3/2014 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà S, ông A, ông B, bà A, ông T và bà T trình bày:

Năm 1992 gia đình của ông bà có mua đất của bà N, đất thuộc ấp 2, Xã TN, Huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh trong đó có đám lá dừa. Sử dụng đến năm 2003 thì gia đình san lấp đám lá đó thì không có sự tranh chấp. Đến năm 2006 thì gia đình có nhu cầu xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và khi đến Ủy ban nhân dân Xã TN, Huyện BC thì mới biết phần đất gia đình đang sử dụng có dính phần đất đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà gày. Gia đình ông bà có yêu cầu ông Đ là con bà gày trả lại đất cho gia đình.

Tại bản tự khai ghi ngày 20/12/2016, bà T là người đại diện theo ủy quyền cho Ủy ban nhân dân Huyện BC trình bày:

Căn cứ Công văn số 2509 ngày 09/6/2016 về việc cung cấp hồ sơ địa chính tại Xã TN của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Huyện BC thì thành phần hồ sơ cấp Giấy chứng nhận số 1344 cấp theo Quyết định số 20 ngày 23/5/1996 cho hộ bà N chỉ có Đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất do bà N lập ngày 22/8/1995 có xác nhận của Ủy ban nhân dân Xã TN ngày 13/11/1995. Do đó với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân Huyện BC thì bà T không có ý kiến về việc cấp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1344 cấp theo Quyết định số 20 ngày 23/5/1996.

Theo Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân Huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử như sau:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thái Văn Đ đối với ông Nguyễn Văn C.

Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Tấn A, ông Nguyễn Tấn B, bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Việt T và bà Nguyễn Thị Kim T trả lại cho ông Thái Văn Đ phần đất có diện tích là 185,5 m^2 thuộc thửa 555, tờ bản đồ số 07 tại ấp 2, Xã TN, Huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh. Vị trí khu đất căn cứ theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc – thiết kế - xây dựng – dịch vụ bất động sản HL lập ngày 05/5/2014.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C về việc yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1344/QSDĐ do Ủy ban nhân dân Huyện BC cấp ngày 23/5/1996 này nay được thay thế bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1344/QSDĐ ngày 01/3/2001 của UBND Huyện BC để công nhận cho hộ bà Thái Thị N được quyền sử dụng thửa đất số 555, tờ bản đồ số 07 với diện tích đất là 1912 m^2 tọa lạc tại Xã TN, Huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được cách giải quyết vụ án.

Nguyên đơn yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm, yêu cầu gia đình ông C hoàn trả lại phần đất đã bị lấn chiếm là 185,5 m^2 thuộc thửa 555, tờ bản đồ số 07 tại Xã TN, Huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C có bà Vi Thị D làm đại diện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý với bản án sơ thẩm đã tuyên xử vì lý do: Toà án cấp sơ thẩm chưa xác minh, thu thập đầy đủ các tài liệu chứng cứ trước khi đưa vụ án ra xét xử dẫn đến nhận định của Toà án chưa chính xác gây thiệt hại cho bị đơn do đó đề nghị Toà án cấp phúc thẩm huỷ bản án dân sự sơ thẩm để giải quyết lại theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận xét việc Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng đủ thủ tục tố tụng được qui định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Toà án cấp sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu bị đơn huỷ một phần Giấy chứng nhận cấp cho bà N là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn C, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại Công văn số 1553/UBND ngày 12/12/2016 của Ủy ban nhân dân Xã TN, Huyện BC về việc cung cấp thông tin đất và quá trình đăng ký, kê khai nguồn gốc đất thì Ủy ban nhân dân Xã TN, Huyện BC cũng xác định nguồn gốc thửa đất mà các đương sự đang tranh chấp với nhau là thửa đất số 555, tờ bản đồ số 07 đã được Ủy ban nhân dân Huyện BC cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1344/QSDĐ ngày 23/5/1996. Tại trang 144 sổ đăng ký ruộng đất do Ủy ban nhân dân Xã TN, Huyện BC cung cấp thì cũng thể hiện thửa đất số 555, tờ bản đồ số 07 diện tích 1912 m^2 đất có tên chủ sử dụng đất là bà N.

Phần đất tranh chấp có diện tích là 185.5 m^2 thuộc thửa 555, tờ bản đồ số 07 (TL02/CT-UB) Xã TN, Huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh đã được Ủy ban nhân dân Huyện BC cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1344/QSDĐ ngày 23/5/1996 cho hộ bà Ngày, nay được thay thế bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1344/QSDĐ ngày 01/3/2001 của Ủy ban nhân dân Huyện BC .

Ông C cho rằng phần đất các bên đang tranh chấp là phần đất thuộc đám lá dừa nước do ông C mua của bà N vào năm 1992 và đến năm 2006 ông đi đăng ký quyền sử dụng đất đối với phần đất này. Tuy nhiên căn cứ vào "Giấy sang nhượng" do ông C cung cấp cho Tòa án thì thể hiện ông C nhận sang nhượng đất của bà N 3000 m^2 đất bao gồm một đám ruộng đất cấy lúa và một đám lá. Theo nội dung "Dự thảo Phiếu công khai thông tin nhà, đất" do ông C cung cấp cho Tòa án thì phần đất ông C kê khai năm 2006 với diện tích là 646 m^2 có mục đích sử dụng đất: LNK.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1344/QSDĐ ngày 23/5/1996 của UBND Huyện BC cấp cho hộ bà Ngày được quyền sử dụng thửa đất số 555, tờ bản đồ số 07 với diện tích đất là 1912 m^2, đây là đất có mục đích sử dụng: L.

Đối với phần đất mà ông C nhận chuyển nhượng của bà N là phần đất trồng dừa nước và thực tế sau khi nhận chuyển nhượng đất thì vào năm 2006 ông C đã đăng ký kê khai là đất có mục đích sử dụng là đất LNK. Như vậy gia đình ông C sử dụng đất có mục đích sử dụng là đất LNK, còn hộ bà Thái Thị N được quyền sử dụng thửa đất số 555, tờ bản đồ số 07 với diện tích đất là 1912 m^2, đây là đất có mục đích sử dụng: L.

Tại công văn số 1553 ngày 12/12/2016 về việc cung cấp thông tin đất và quá trình đăng ký, kê khai nguồn gốc đất thì Ủy ban nhân dân Xã TN, Huyện BC cũng xác định bà N đăng ký thửa 414 diện tích 2900 m^2, bà N không đăng ký thửa 555. Do đó có thể xác định phần đất mà gia đình ông C nhận chuyển nhượng của bà N vào năm 1992 và phần đất các bên đương sự đang tranh chấp không có liên quan gì với nhau.

Do đó việc ông C yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1344/QSDĐ ngày 23/5/1996 của UBND Huyện BC cấp cho hộ bà N là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1344/QSDĐ ngày 01/3/2001 của Ủy ban nhân dân Huyện BC thì ông Đ được quyền sử dụng phần đất có diện tích 1912 m^2 thuộc thửa 555, tờ bản đồ số 07 đất có mục đích sử dụng: L tọa lạc tại Xã TN, Huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc – Thiết kế – Xây dựng – Dịch vụ Bất động sản HL lập ngày 05/5/2014 theo sự hướng dẫn ranh của các đương sự thì phần đất tranh chấp có diện tích là 185.5 m^2 thuộc thửa 555, tờ bản đồ số 07 tại ấp 2, Xã TN, Huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh nằm trong phần đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1344/QSDĐ ngày 01/3/2001 của Ủy ban nhân dân Huyện BC cấp cho hộ bà Thái Thị N.

Bị đơn ông C cho rằng ông quản lý, sử dụng đất ổn định lâu dài từ năm 1992 và không phát sinh tranh chấp gì, tuy nhiên căn cứ vào Biên bản họp hoà giải tranh chấp đất giữa ông Thái Văn Đ và ông Nguyễn Văn C ngày 13/8/2009 giữa ông C và ông Đ đã có phát sinh tranh chấp quyền sử dụng đất trên.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn C, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát y án sơ thẩm là có cơ sở.

Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên tiền tạm ứng chi phí định giá là 500.000 đồng, tiền chi phí đo vẽ 6.000.000 đồng, tổng cộng là 6.500.000 đồng mà ông Đ đã tạm ứng các khoản chi phí này nên ông C có trách nhiệm trả lại cho ông Đ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận ông C phải chịu số tiền là 300.000 đồng .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 12, khoản 5 Điều 166, khoản 1 Điều 170, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thái Văn Đ đối với ông Nguyễn Văn C.

Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Tấn A, ông Nguyễn Tấn B, bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Việt T và bà Nguyễn Thị Kim T trả lại cho ông Thái Văn Đ phần đất có diện tích là 185.5 m^2 thuộc thửa 555, tờ bản đồ số 07 (TL02/CT-UB) tại ấp 2, Xã TN, Huyện BC, thành phố Hồ Chí Minh. Vị trí khu đất căn cứ theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty trách nhiệm hữu hạn Đo đạc – Thiết kế – Xây dựng – Dịch vụ Bất động sản HL lập ngày 05/5/2014.

2/ Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn C về việc yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1344/QSDĐ do UBND Huyện BC cấp ngày 23/5/1996 cho hộ bà Thái Thị N (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này nay được thay thế bằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1344/QSDĐ ngày 01/3/2001 của UBND Huyện BC) để công nhận cho hộ bà Thái Thị N được quyền sử dụng thửa đất số 555, tờ bản đồ số 07 với diện tích đất là 1912 m^2 tọa lạc tại Xã TN, Huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn C có trách nhiệm hoàn trả cho ông Thái Văn Đ số tiền 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm ngàn đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn C phải chịu số tiền là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AE/2014/0009741 ngày 15/01/2016 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện BC.

Hoàn lại cho ông Thái Văn Đ số tiền tạm ứng án phí là 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) mà ông Đ đã đóng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AE/2012/05801 ngày 18/9/2013 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện BC.

5/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn C phải chịu số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0021678 ngày 24/01/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện BC.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND H. BC;
- Chi cục THADS H. BC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (20).

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Đắc Phú